

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
LÝ THƯỜNG KIỆT

DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023

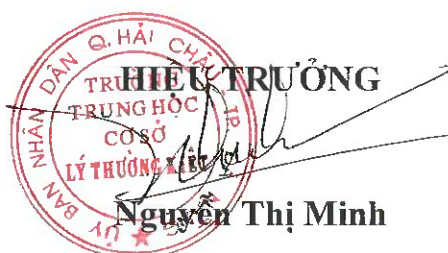
MÔN: TIN HỌC LỚP 6, 9 PHÒNG THI : Phòng bộ môn Tin học 1 (Tầng 2 khu B)

S TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Điểm
1	Nguyễn Lương Bằng	9/3	10
2	Võ Trần Khánh Duy	9/11	0
3	Văn Công Nam	9/6	18
4	Nguyễn Minh Quốc	9/3	5
5	Nguyễn Quý Đức Tài	9/5	Vắng
6	Văn Ngọc Thiện	9/11	0
7	Võ Đình Phúc	9/10	15
1	Đỗ Nguyễn Tuấn Anh	6/4	Vắng
2	Hồ Gia Bảo	6/8	10
3	Nguyễn Hoàng Duy	6/1	Vắng
4	Huỳnh Ngọc Duy	6/12	10
5	Nguyễn Phan Khánh Duy	6/2	0
6	Trần Huyền Khánh Hân	6/12	Vắng
7	Trương Thanh Hào	6/2	5
8	Nguyễn Việt Hưng	6/7	5
9	Hoàng Nguyên Hưng	6/8	5
10	Hồ Minh Huy	6/11	10

S TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Điểm
11	Trần Nam Khang	6/3	5
12	Nguyễn Đăng Khoa	6/1	Vắng
13	Phạm Hoàng Kiên	6/8	5
14	Nguyễn Hữu Hùng Lâm	6/3	10
15	Nguyễn Phúc Phương Linh	6/4	5
16	Phan Lê Hoàng Lộc	6/11	5
17	Trần Lực	6/2	5
18	Lê Anh Minh	6/2	5
19	Hồ Nguyễn Thành Nhân	6/12	5
20	Nguyễn Phan Thành Tài	6/10	10
21	Nguyễn Gia Thiện	6/2	0
22	Nguyễn Quang Minh Toàn	6/8	5
23	Lê Bảo Trân	6/3	5
24	Nguyễn Ngọc Trung	6/7	5
25	Lê Tiến Trung	6/3	0
26	Phạm Bách Tùng	6/8	5
27	Bùi Duy Khoa	6/10	0
28	Trương Nguyên Khôi	6/10	14

Danh sách có 06 học sinh lớp 9 và 28 học sinh lớp 6 (bổ sung 2 em)

Thang điểm 20 điểm .


HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: TIN HỌC LỚP 7, 8

PHÒNG THI: Phòng bộ môn Tin 2 (Tầng 3 khu B)

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Điểm
1	Lê Đình Dương	8/4	19
2	Nguyễn Hoàng Anh Duy	8/5	Vắng
3	Trần Đình Hiệp	8/11	Vắng
4	Hoàng Trần Minh Hoàng	8/7	7
5	Nguyễn Đức Huy	8/3	0
6	Trần Phước Lộc	8/3	0
7	Văn Đình Long	8/7	0
8	Đinh Ngọc Hằng Nga	8/4	Vắng
9	Trần Đức Nghị	8/2	5
10	Lê Thị Hạnh Nguyên	8/4	Vắng
11	Võ Thiện Nhân	8/4	0
12	Ngô Đức Phát	8/4	19
13	Nguyễn Mạnh Tuấn	8/4	19
14	Nguyễn Quang Vinh	8/4	19
15	Huỳnh Long Vũ	8/5	13
16	Nguyễn Hoàng Anh	8/5	7

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Điểm
1	Phạm Hùng Anh	7/8	0
2	Trần Mai Anh	7/3	0
3	Đặng Huy Bảo	7/6	5
4	Phan Anh Đạt	7/7	Vắng
5	Phan Minh Như Hiếu	7/7	Vắng
6	Bùi Nguyễn Phúc Hưng	7/1	10
7	Võ Đức Huy	7/1	0
8	Nguyễn Bình Minh Minh	7/5	Vắng
9	Nguyễn Vũ Ngọc Minh	7/4	Vắng
10	Phạm Hà My	7/7	0
11	Lê Tấn Nghĩa	7/1	18
12	Huỳnh Đức Nguyên	7/7	8
13	Nguyễn Quý Thiện Nhân	7/6	5
14	Nhan Nguyễn Minh Nhân	7/1	6
15	Bùi Xuân Phúc	7/1	10
16	Bùi Anh Quân	7/2	10
17	Nguyễn Anh Thư	7/4	Vắng
18	Nguyễn Hoàng Nhật Tiến	7/5	Vắng
19	Nguyễn Tô Uyên	7/7	0
20	Trần Quang Vũ	7/5	0
21	Võ Minh Ngọc	7/1	18

Danh sách có 16 học sinh lớp 8 và 21 học sinh lớp 7.

Thang điểm 20 điểm .


HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: TOÁN LỚP 6

PHÒNG THI SỐ 16

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm
1	Nguyễn Thịnh Duy An	6/8	T601	0.0
2	Nguyễn Đức Anh	6/11	T602	2.0
3	Phan Tường Anh	6/6	T603	3.5
4	Đỗ Nguyễn Tuấn Anh	6/4	T604	2.25
5	Trần Hoàng Anh	6/8	T605	5.75
6	Bùi Đức Anh	6/12	T606	1.0
7	Phan Anh	6/10	T607	3.0
8	Nguyễn Phan Minh Anh	6/6	T608	4.0
9	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	6/3	T609	1.0
10	Trần Gia Bảo	6/11	T610	5.75
11	Hồ Gia Bảo	6/8	T611	6.0
12	Thủy Ngọc Bảo	6/8	T612	7.0
13	Trương Hữu Bảo	6/12	T613	2.5
14	Dương Ngọc Gia Bảo	6/6	T614	3.5
15	Thái Gia Bình	6/9	T615	Vắng
16	Ông Vĩnh Thanh Thanh Bình	6/4	T616	2.0
17	Phạm Nguyễn Đoàn Châu	6/7	T617	4.0
18	Nguyễn Hữu Bảo Châu	6/7	T618	1.0
19	Phạm Phan Kim Chi	6/7	T619	2.75
20	Dương Tùng Chi	6/11	T620	2.0
21	Lê Lương Minh Chi	6/6	T621	1.0
22	Ngô Ngọc Cường	6/12	T622	0.0
23	Cao Tuấn Đạt	6/11	T623	4.75
24	Trần Ngọc Diệp	6/10	T624	2.0
25	Nguyễn Ngọc Vân Du	6/6	T625	0.75

Danh sách có 25 học sinh.

HIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

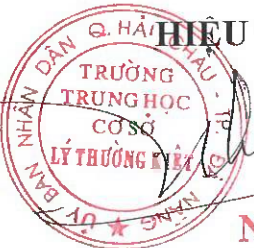
DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: TOÁN LỚP 6

PHÒNG THI SỐ 17

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm
1	Nguyễn Hoàng Dung	6/6	T626	3.75
2	Nguyễn Tú Dương	6/1	T627	3.75
3	Nguyễn Hoàng Duy	6/1	T628	3.75
4	Lê Cát Mỹ Hà	6/8	T629	3.75
5	Hoàng Khánh Hà	6/2	T630	1.5
6	Phạm Thế Hải	6/5	T631	4.5
7	Nguyễn Hoàng Gia Hân	6/10	T632	2.0
8	Nguyễn Nhật Hằng	6/3	T633	1.5
9	Trương Thanh Hào	6/2	T634	3.0
10	Trần Quang Thái Hoà	6/12	T635	3.0
11	Nguyễn Công Huân	6/2	T636	4.0
12	Phạm Doãn Quốc Hưng	6/7	T637	2.25
13	Nguyễn Việt Hưng	6/7	T638	3.5
14	Nguyễn Minh Huy	6/11	T639	7.25
15	Hà Phước Huy	6/6	T640	3.75
16	Lê Gia Huy	6/1	T641	6.0
17	Tổng Nguyên Khải	6/10	T642	1.5
18	Lê Phước Khang	6/6	T643	0.5
19	Lê Đặng Minh Khang	6/5	T644	3.0
20	Lê Phương Phúc Khang	6/4	T645	1.75
21	Trương Vi Khanh	6/3	T646	4.75
22	Nguyễn Ngọc Nhã Khanh	6/12	T647	3.75
23	Phan Ngọc Quốc Khánh	6/6	T648	3.5
24	Đỗ Minh Khánh	6/6	T649	7.25
25	Nguyễn Văn Khánh	6/6	T650	3.0

Danh sách có 25 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: TOÁN LỚP 6

PHÒNG THI SỐ 18

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm
1	Trần Hoàng Ngọc Khánh	6/1	T651	7.0
2	Nguyễn Văn Khánh	6/1	T652	3.0
3	Dương Ngọc Minh Khánh	6/8	T653	2.75
4	Trần Quốc Khánh	6/8	T654	2.25
5	Ngô Lê Huy Khánh	6/10	T655	2.75
6	Lâm Vũ Quốc Khánh	6/2	T656	4.0
7	Nguyễn Đức Khoa	6/7	T657	1.0
8	Nguyễn Đăng Khoa	6/1	T658	2.5
9	Đào Duy Khoa	6/10	T659	0
10	Lê Đăng Khôi	6/7	T660	Vắng
11	Phạm Hoàng Kiên	6/8	T661	5.5
12	Nguyễn Hữu Hùng Lâm	6/3	T662	8.0
13	Đinh Khánh Linh	6/11	T663	3.75
14	Phan Nguyễn Nhật Linh	6/9	T664	3.0
15	Đồng Thị Thùy Linh	6/8	T665	1.5
16	Phan Lê Hoàng Lộc	6/11	T666	6.0
17	Ngô Văn Tấn Lộc	6/1	T667	3.0
18	Nguyễn Nhật Dũng Luân	6/7	T668	5.0
19	Nguyễn Thị Ngọc Ly	6/8	T669	2.0
20	Nguyễn Huyền Mai	6/12	T670	6.5
21	Phạm Quang Minh	6/6	T671	3.5
22	Nguyễn Mậu Khải Minh	6/6	T672	6.0
23	Trần Đức Minh	6/9	T673	6.0
24	Nguyễn Ngô Trà My	6/6	T674	4.0
25	Phạm Hồ Gia Mỹ	6/10	T675	0.75

Danh sách có 25 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: TOÁN LỚP 6

PHÒNG THI SỐ 19

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm
1	Nguyễn Phú Hoàng Nam	6/10	T676	3,25
2	Nguyễn Bảo Tuyết Ngân	6/10	T677	7,5
3	Nguyễn Lê Gia Ngọc	6/6	T678	2,0
4	Ngô Võ Bảo Ngọc	6/3	T679	1,0
5	Nguyễn Xuân Hoàng Nguyên	6/6	T680	1,5
6	Nguyễn Vũ Thảo Nguyên	6/9	T681	2,0
7	Nguyễn Phạm Hạnh Nguyên	6/9	T682	5,0
8	Nguyễn Đình Nguyên	6/12	T683	5,0
9	Phan Công Phúc Nguyên	6/5	T684	0,75
10	Hồ Nguyễn Thành Nhân	6/12	T685	2,5
11	Lâm Tuyết Nhi	6/8	T686	0,25
12	Nguyễn Trần Khánh Nhi	6/10	T687	0,5
13	Lưu Phạm An Nhiên	6/7	T688	3,0
14	Nguyễn Lê Tổ Oanh	6/10	T689	6,25
15	Trịnh Quang Phát	6/6	T690	3,0
16	Phạm Thanh Phúc	6/7	T691	0,75
17	Huỳnh Dương Hữu Phúc	6/10	T692	1,25
18	Lê Vũ Ngọc Phương	6/1	T693	Vắng
19	Ngô Ngọc Xuân Phương	6/8	T694	3,75
20	Nguyễn Hà Phương	6/10	T695	5,0
21	Trần Hữu Việt Quân	6/6	T696	2,75
22	Nguyễn Quân	6/2	T697	3,25
23	Trần Duy Hồng Sơn	6/10	T698	7,75
24	Trần Tấn Tài	6/11	T699	7,0
25	Lê Phước Tân	6/5	T700	5,75
26	Nguyễn Doãn Minh	6/10	Bổ sung	4.5
27	Nguyễn Thị Mai Phương	6/1	Bổ sung	6.0

Danh sách có 27 học sinh.



Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: TOÁN LỚP 6

PHÒNG THI SỐ 20

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm
1	Lê Trần Nguyễn Chí Thắng	6/11	T701	2.0
2	Phan Phương Thảo	6/1	T702	2.0
3	Đặng Nguyễn Bá Thiện	6/9	T703	6.5
4	Hồ Thành Thiện	6/10	T704	1.5
5	Nguyễn Gia Thiện	6/2	T705	8.0
6	Ngô Anh Thư	6/10	T706	3.0
7	Vương Khánh Thy	6/11	T707	2.0
8	Nguyễn Thủy Tiên	6/8	T708	3.0
9	Nguyễn Quang Minh Toàn	6/8	T709	3.75
10	Lê Bảo Trân	6/3	T710	5.5
11	Phạm Đỗ Huyền Trân	6/8	T711	1.0
12	Phan Ngọc Bảo Trân	6/10	T712	2.0
13	Lê Trọng Trình	6/8	T713	3.75
14	Lê Tiến Trung	6/3	T714	2.0
15	Trần Nam Trung	6/3	T715	3.0
16	Nguyễn Hoàng Anh Tú	6/8	T716	6.5
17	Bùi Đức Nguyên Tuệ	6/7	T717	2.0
18	Nguyễn Khánh Uyên	6/8	T718	5.5
19	Phan Thị Trúc Vân	6/9	T719	4.0
20	Lưu Thế Vinh	6/2	T720	4.5
21	Trần Huy Vũ	6/10	T721	3.5
22	Đào Nguyễn Khánh Vy	6/12	T722	4.25
23	Trịnh Bảo Yến	6/6	T723	2.75
24	Trần Nguyễn Ngọc Yến	6/4	T724	2.25
25	Võ Hoàng Yến	6/5	T725	5.0

Danh sách có 25 học sinh.


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC
CƠ SỞ
LÝ THƯỜNG KIỆT
Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: TOÁN LỚP 7

PHÒNG THI SỐ 21

S TT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD
1	Lê Hoàng Anh	7/6	0.25
2	Nguyễn Hữu Bảo	7/7	3.0
3	Đặng Huy Bảo	7/6	5.0
4	Đào Xuân Gia Bảo	7/3	0.25
5	Lê Thanh Bình	7/1	1.25
6	Trần Phước Bình	7/4	3.5
7	Nguyễn Hà Minh Châu	7/5	0.25
8	Phan Anh Đạt	7/7	3.0
9	Phạm Thành Đạt	7/5	2.0
10	Phạm Minh Đức	7/6	3.0
11	Nguyễn Ngọc Nam Giang	7/3	0.25
12	Nguyễn Châu Ngọc Hân	7/6	2.0
13	Bùi Nguyễn Phúc Hưng	7/1	4.5
14	Đàm Tuấn Hưng	7/5	Vắng
15	Võ Đức Huy	7/1	1.0
16	Lê Huy Khải	7/6	0.25
17	Lê Trần Phú Khang	7/4	2.5

S TT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD
18	Phạm Đức Khoa	7/1	5.0
19	Đinh Như Nhật Minh	7/6	1.75
20	Phạm Hà My	7/7	1.25
21	Lê Tấn Nghĩa	7/1	9.0
22	Nguyễn Quý Thiện Nhân	7/6	0.25
23	Nhan Nguyễn Minh Nhân	7/1	4.5
24	Dương Lê Yến Nhi	7/7	0.5
25	Tô Nhã Phương	7/2	0.25
26	Ngô Quán Quân	7/7	2.0
27	Ngô Minh Quân	7/2	2.5
28	Trần Đức Bảo Sơn	7/1	3.5
29	Tôn Nữ Khánh Thy	7/6	3.5
30	Trương Bảo Huyền Trân	7/3	4.5
31	Mai Trần Bảo Trung	7/5	2.25
32	Trần Khôi Vĩ	7/1	1.0
33	Nguyễn Thành Vinh	7/4	0.5

Danh sách có 33 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: TOÁN LỚP 8

PHÒNG THI SỐ 22

S TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Điểm
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	8/9	4,25
2	Nguyễn Xuân Bảo	8/9	1,25
3	Đào Duy Bảo	8/7	1,75
4	Hồ Lê Trí Bảo	8/4	1,25
5	Phan Trịnh Hà Bình	8/10	7,0
6	Nguyễn Lê Minh Châu	8/7	2,75
7	Ngô Quang Chính	8/11	2,5
8	Nguyễn Thành Danh	8/11	0,25
9	Trương Hồng Đức	8/2	2,5
10	Đoàn Lê Thùy Dương	8/7	3,75
11	Lê Đình Dương	8/4	6,5
12	Nguyễn Quang Bảo Duy	8/2	5,25
13	Lê Tấn Duy	8/10	7,0
14	Vương Hoài Giang	8/8	2,5

S TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Điểm
15	Nguyễn Thị Minh Hằng	8/1	1,0
16	Nguyễn Lê Trọng Hoàng	8/4	4,0
17	Phạm Minh Hưng	8/11	3,25
18	Nguyễn Minh Huy	8/9	1,0
19	Nguyễn Đức Huy	8/3	3,75
20	Tôn Thất Nguyên Kha	8/9	0,5
21	Ngô Tuấn Kha	8/8	5,25
22	Nguyễn Văn Khang	8/12	6,5
23	Nguyễn Nam Khánh	8/11	7,5
24	Lê Đình Anh Khoa	8/9	7,5
25	Võ Đăng Khôi	8/1	5,25
26	Nguyễn Xuân Kiên	8/9	6,5
27	Trần Lê Ngọc Linh	8/6	4,0

Danh sách có 27 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIẾT

DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: TOÁN LỚP 8

PHÒNG THI SỐ 23

S TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Điểm
1	Trần Phước Lộc	8/3	0.5
2	Lương Hoàng Long	8/10	3.5
3	Nguyễn Văn Đức Mạnh	8/9	3.0
4	Nguyễn Đỗ Hạ Mi	8/8	4.0
5	Trình Tuấn Khải Minh	8/2	3.0
6	Võ Lê Bình Minh	8/7	4.0
7	Đoàn Bình Minh	8/11	4.5
8	Nguyễn Hoàng Nhật Nam	8/12	6.5
9	Đinh Ngọc Hằng Nga	8/4	5.75
10	Hồ Lê Khôi Nguyên	8/9	5.75
11	Võ Thiện Nhân	8/4	6.75
12	Huỳnh Phương Như	8/2	3.5
13	Ngọc Thị Cẩm Nhung	8/1	3.0
14	Ngô Đức Phát	8/4	8.0

S TT	Họ và tên học sinh	Lớp	
15	Cao Hoàng Phương	8/10	5.5
16	Nguyễn Minh Quân	8/12	3.5
17	Phạm Lê Sơn	8/1	8.0
18	Lương Ngọc Thiện	8/2	1.0
19	Nguyễn Đào Hà Thy	8/4	3.0
20	Nguyễn Minh Khánh Toàn	8/2	5.0
21	Lê Bảo Trân	8/4	3.0
22	Nguyễn Ngọc Trí	8/1	3.5
23	Nguyễn Hoàng Tuấn	8/9	4.75
24	Trần Nguyễn Minh Tuấn	8/2	6.25
25	Nguyễn Xuân Tùng	8/1	4.25
26	Nguyễn Quang Vinh	8/4	7.4
27	Huỳnh Long Vũ	8/5	1.5

Danh sách có 27 học sinh.

**HIỆU TRƯỞNG**
Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIẾT

**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: TOÁN LỚP 9

PHÒNG THI SỐ 24

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm
1	Nguyễn Lương Bằng	9/3	T901	6.0
2	Nguyễn Đức Chính	9/7	T902	1.25
3	Trần Phước Đức	9/1	T903	4.0
4	Phạm Minh Dũng	9/10	T904	3.75
5	Hồ Việt Hà	9/10	T905	6.0
6	Nguyễn Gia Huy	9/10	T906	6.0
7	Đàm Long Khang	9/4	T907	4.25
8	Nguyễn Tuấn Khoa	9/5	T908	3.0
9	Nguyễn Cao Thùy Linh	9/9	T909	1.0
10	Văn Công Nam	9/6	T910	6.75
11	Nguyễn Lê Minh Ngọc	9/10	T911	3.75
12	Huỳnh Ngọc Nhân	9/11	T912	4.0
13	Võ Đình Phúc	9/10	T913	4.0
14	Nguyễn Đức An Quân	9/5	T914	0.25
15	Phạm Duy Nhật Quân	9/8	T915	5.5
16	Nguyễn Minh Quốc	9/3	T916	5.0
17	Nguyễn Hữu Sang	9/2	T917	7.75
18	Nguyễn Hữu Phước Thiện	9/4	T918	3.75
19	Nguyễn Trí	9/12	T919	5.0
20	Hà Ngọc Quang Vinh	9/5	T920	0.25

Danh sách có 20 học sinh.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

DANH SÁCH THAM DỰ ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG
– NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: VĂN LỚP 6 PHÒNG THI SỐ 12

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm
1	Trần Ngọc Bảo Hân	6/6	V603	6.0
2	Lê Hữu Trung Thành	6/3	V609	5.5
3	Hoàng Lê Mỹ Tâm	6/6	V608	5.0
4	Nguyễn Lê Khanh	6/11	V606	5.0
5	Huỳnh Lê Giang	6/1	V601	5.0
6	Trần Huyền Khánh Hân	6/12	V602	4.3
7	Huỳnh Thị Cát Hồng	6/5	V604	4.0
8	Trần Lê Thảo Vy	6/12	V613	4.0
9	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	6/12	V610	4.0
10	Nguyễn Hoàng Thảo Nhi	6/6		3.0
11	Nguyễn Trương Tường Vân	6/8	V612	3.8

Danh sách có 11 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
LÝ THƯỜNG KIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH THAM DỰ ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG
– NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: VĂN LỚP 7

PHÒNG THI SỐ 13

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm
1	Mộc Miên Liêng Hót	7/3	V703	7.5
2	Trương Ngọc Thảo Vy	7/3	V715	7.0
3	Trần Đình Lâm Nga			6.5
4	Trần Thị Huyền Diệu	7/8	V702	5.5
5	Nguyễn Hà My	7/6	V704	4.75
6	Phan Trần Bảo Trân	7/1	V713	4.5
7	Trần Nguyễn Minh Thu	7/7	V712	4.5
8	Võ Thị Minh Ngọc	7/1	V707	4.5
9	Cao Thị Hoàn Tâm	7/6	V710	4.5
10	Hoàng Thị Việt Phương	7/2	V709	4.0
11	Lê Thị Thanh Thảo	7/2	V711	4.0
12	Trần Lê Hạnh Nguyên	7/4	V708	3.5
13	Đỗ Quỳnh Anh	7/2	V701	3.25
14	Nguyễn Võ Ngọc Ngân	7/1	V706	3.25
15	Nguyễn Hải Nam	7/4	V705	3.5
16	Nguyễn Tổ Uyên	7/7	V714	2.75

Danh sách có 16 học sinh.

HIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

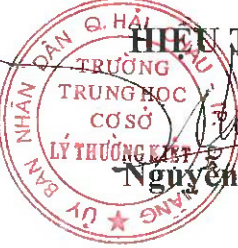
UBND QUẬN HẢI CHÂU
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
LÝ THƯỜNG KIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THAM DỰ ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG
– NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: VĂN LỚP 8 PHÒNG THI SỐ 14

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm
1	Võ Lan Hương	8/7	V807	7.5
2	Đỗ Nguyễn Hà My	8/3	V810	7.0
3	Huỳnh Khánh Linh	8/7	V809	7.0
4	Nguyễn Phạm Minh Thư	8/2	V818	5.0
5	Lương Cát Phương Nghi	8/7	V813	5.0
6	Nguyễn Lê Bảo Ngân	8/8	V812	5.0
7	Nguyễn Bảo Ngân	8/4	V811	4.5
8	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	8/7	V816	4.5
9	Nguyễn Khánh Ngọc	8/1	V814	4.3
10	Phạm Đăng Kim Hân	8/4	V806	4.0
11	Trần Thị Hưng Giang	8/9	V805	4.0
12	Trần Nguyễn Tuyết Anh	8/3	V802	4.0
13	Huỳnh Phạm Khánh Đan	8/12	V803	3.5
14	Vũ Thu Thủy	8/6	V819	3.5
15	Vũ Hà Anh Tuấn	8/6	V820	3.0
16	Nguyễn Trương Tường Vy	8/2	V822	2.3
17	Trần Huyền Bảo Ngọc	8/1	V815	3.0
18	Nguyễn Hồng Nguyên Thảo	8/4	V817	2.5
19	Nguyễn Thụy Việt Anh	8/4	V801	3.0
20	Võ Bảo Gia	8/10	V804	2.5
21	Nguyễn Ngọc Khánh	8/11	V808	2.0
22	Châu Nguyễn Bảo Uyên	8/9	V821	2.0

Danh sách có 22 học sinh.

HIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

**DANH SÁCH THAM DỰ ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG
– NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: VĂN LỚP 9

PHÒNG THI SỐ 15

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm
1	Trần Thái Uyên Nhi	9/5	V907	7.0
2	Trần Tô Huyền Anh	9/10	V902	6.0
3	Lê Phúc Thu An	9/5	V901	5.5
4	Nguyễn Trần Diễm Trúc	9/5	V914	5.5
5	Nguyễn Thanh Thảo	9/5	V910	5.0
6	Nguyễn Hoài Bảo Trân	9/5	V913	5.0
7	Nguyễn Phương Nhi	9/1	V906	5.0
8	Trương Thị Thanh Thảo	9/4	V909	5.0
9	Đặng Bảo Đan Thuyên	9/9	V912	4.5
10	Hoàng Phan Khánh Hoà	9/5	V905	4.5
11	Đặng Thị Huyền Diệu	9/2	V903	4.0
12	Đỗ Uyển Dung	9/4	V904	4.0
13	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	9/4	V908	4.0
14	Nguyễn Ngọc Anh Thư	9/5		2.5

Danh sách có 14 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: TIẾNG ANH LỚP 6

PHÒNG THI SỐ 5

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm
1	Hà Bảo An	6/1	A601	18,0
2	Nguyễn Lê Khánh An	6/2	A602	79,5
3	Đoàn Phương Anh	6/6	A603	20,5
4	Đặng Lê Bách	6/6	A604	16,5
5	Hoàng Ngọc Gia Bảo	6/1	A605	26,0
6	Huỳnh Ngọc Bảo Châu	6/6	A606	64,0
7	Đặng Phổ Châu	6/12	A607	27,0
8	Tổng Minh Châu	6/7	A608	20,5
9	Lê Ngọc Phương Chi	6/4	A609	51,0
10	Võ Hạ Đan	6/6	A610	24,5
11	Lê Tường Đan	6/1	A611	14,5
12	Nguyễn Thục Đoan	6/12	A612	29,5
13	Thái Hoàng Dung	6/12	A613	15,0
14	Huỳnh Ngọc Duy	6/12	A614	30,0
15	Nguyễn Ngọc Hương Giang	6/6	A615	36,0
16	Hoàng Ngọc Hà	6/6	A616	13,5
17	Nguyễn Võ Nam Hải	6/8	A617	29,5
18	Nguyễn Lê Bảo Hân	6/3	A618	38,5
19	Nguyễn Ngọc Thảo Hân	6/5	A619	37,5
20	Trần Ngọc Hân	6/2	A620	20,5
21	Lương Ngọc Bảo Hân	6/3	A621	24,5
22	Vũ Phan Bảo Hiên	6/10	A622	26,5
23	Trần Hoàng Quân	6/1		27,0

Danh sách có 22 học sinh.


HIỆU TRƯỞNG
 Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: TIẾNG ANH LỚP 6

PHÒNG THI SỐ 6

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	ĐIỂM	SBD
1	Trần Trung Hiếu	6/1	20	A623
2	Sử Duy Quang Hiếu	6/10	51.5	A624
3	Trần Nguyễn Gia Hưng	6/3	54.5	A625
4	Nguyễn Phước Bá Hưng	6/4	28	A626
5	Hoàng Nguyên Hưng	6/8	44.5	A627
6	Lê Diệu Hương	6/8	50	A628
7	Hồ Minh Huy	6/11	47	A629
8	Nguyễn Đình Nguyên Kha	6/7	20	A630
9	Trần Nam Khang	6/3	75.5	A631
10	Nguyễn Phạm Gia Khang	6/9	43.5	A632
11	Phan Bảo Khanh	6/12	62.5	A633
12	Nguyễn Ngọc Nhã Khanh	6/12		A634
13	Đỗ Minh Khánh	6/4	50.5	A635
14	Tạ Trần Bảo Khánh	6/3	33	A636
15	Trương Gia Khánh	6/3	55	A637
16	Dương Ngô Minh Khoa	6/8	48.5	A638
17	Trương Nguyên Khôi	6/10	86.5	A639
18	Phạm Nhật Khôi	6/5	55	A640
19	Huỳnh Phước Kiên	6/8	15	A641
20	Ông Quang Lâm	6/8	43.5	A642
21	Lê Vũ Trang Linh	6/6	38.5	A643
22	Hoàng Khánh Linh	6/8	27.5	A644

Danh sách có 22 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC
CƠ SỞ
LÝ THƯỜNG KIỆT
Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
LÝ THƯỜNG KIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: TIẾNG ANH LỚP 6

PHÒNG THI SỐ 7

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	ĐIỂM	SBD
1	Trần Bá Lộc	6/3	63.5	A645
2	Lê Huỳnh Long	6/7	62	A646
3	Nguyễn Nam Long	6/6	35	A647
4	Nguyễn Đức Hoàng Long	6/10	14.5	A648
5	Lê Hoàng Mai	6/1	27	A649
6	Nguyễn Thị Thanh Mai	6/3	43	A650
7	Nguyễn Trần Thu Minh	6/5	40	A651
8	Nguyễn Thị Nhật Minh	6/9	33.5	A652
9	Trần Việt Anh Minh	6/8	43	A653
10	Lê Anh Minh	6/2	61	A654
11	Ngô Nguyễn Triều Nam	6/1	24.5	A655
12	Nguyễn Thị Yến Ngân	6/1	39	A656
13	Nguyễn Kim Ngân	6/9	31	A657
14	Ngô Bảo Ngọc	6/9	26.5	A658
15	Lê Đình Nhật	6/7	28	A659
16	Trần Ngô Uyên Nhi	6/1	16	A660
17	Nguyễn Thị Quỳnh Như	6/4	31.5	A661
18	Lương Nguyên Khả Như	6/1	49.5	A662
19	Trần Nguyên Phong	6/10	33	A663
20	Nguyễn Đoàn Hồng Phúc	6/8	27.5	A664
21	Văn Việt Phúc	6/8	21.5	A665
22	Trần Đình Phước	6/10	26	A666

Danh sách có 22 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

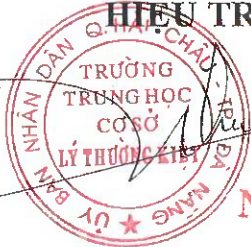
**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: TIẾNG ANH LỚP 6

PHÒNG THI SỐ 8

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Minh Quân	6/1	A667	39	
2	Lê Tất Thành Quang	6/3	A668	12	
3	Nguyễn Lê Nam Sơn	6/5	A669		Không có
4	Trần Hoài Tâm	6/11	A670	13	
5	Nguyễn Lê Phương Tâm	6/1	A671	38.5	
6	Lê Diên Thắng	6/2	A672	71.5	
7	Phạm Tấn Thành	6/9	A673	40	
8	Nguyễn Tiến Thành	6/5	A674	42	
9	Lê Công Thiện	6/1	A675	26	
10	Hà Hoàng Anh Thư	6/6	A676	56	
11	Nguyễn Hà Bảo Thư	6/10	A677	49	
12	Trần Bá Toàn	6/9	A678	23	
13	Nguyễn Minh Bảo Trân	6/11	A679	69.5	
14	Vũ Ngọc Tố Trân	6/9	A680	36	
15	Ngô Trương Bảo Trân	6/8	A681	15	
16	Trần Lê Thu Trang	6/12	A682	19	
17	Trần Lê Thu Trang	6/12	A683		Không có
18	Nguyễn Lê Cẩm Tú	6/11	A684	34	
19	Phạm Bách Tùng	6/8	A685	62	
20	Trương Phương Uyên	6/3	A686	13	
21	Trần Ngọc Phương Uyên	6/6	A687	35	
22	Lê Nguyễn Khánh Uyên	6/9	A688		Không có
23	Hồ Như Ý	6/3	A689		Không có

Danh sách có : 19/23 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
 LÝ THƯỜNG KIỆT

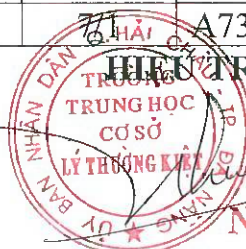
KẾT QUẢ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG
NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: TIẾNG ANH LỚP 7

PHÒNG THI SỐ 4

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm bài thi
1	Trương Phương Anh	7/1	A701	56.5
2	Trần Mai Anh	7/3	A702	42.5
3	Bùi Nguyễn Gia Bảo	7/3	A703	35.5
4	Phan Nguyễn Ngọc Chi	7/6	A704	60.5
5	Lê Định	7/1	A705	40.0
6	Bùi Minh Hưng	7/5	A706	43.5
7	Phan Đức Khải	7/1	A707	29.5
8	Nguyễn Ngân Khánh	7/5	A708	23.0
9	Lê Nam Khánh	7/1	A709	31.0
10	Nguyễn Trần Minh Khuê	7/4	A710	67.5
11	Võ Anh Kiệt	7/1	A711	24.5
12	Nguyễn Hoàng Linh	7/6	A712	80.0
13	Hà Gia Linh	7/2	A713	51.5
14	Trần Thảo Linh	7/4	A714	49.5
15	Đàm Hoàng Minh	7/2	A715	23.5
16	Nguyễn Hồng Minh	7/3	A716	62.5
17	Huỳnh Đức Nguyên	7/7	A717	26.0
18	Đặng Lê Thảo Nguyên	7/1	A718	45.0
19	Ngô Võ Uyển Nhi	7/7	A719	15.0
20	Trần Lê Tâm Như	7/5	A720	33.5
21	Võ Trần Thảo Oanh	7/7	A721	30.5
22	Nguyễn Văn Lĩnh Phong	7/6	A722	22.0
23	Ngô Hồ Thiên Phú	7/5	A723	24.0
24	Bùi Xuân Phúc	7/1	A724	42.5
25	Bùi Anh Quân	7/2	A725	53.0
26	Nguyễn Xuân Thanh	7/6	A726	65.5
27	Trần Anh Thư	7/7	A727	47.5
28	Phạm Nguyễn Minh Thư	7/1	A728	26.0
29	Nguyễn Anh Thư	7/4	A729	35.5
30	Lê Bảo Trân	7/1	A730	44.5
31	Cao Bảo Uyên	7/6	A731	37.5
32	Hồ Hoàng Vũ	7/1	A732	27.5

Danh sách có 32 học sinh



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: TIẾNG ANH LỚP 8

PHÒNG THI SỐ 2

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	SBD	Điểm thi
1	Trần Triều An	8/1	A801	41
2	Tạ Thanh An	8/9	A802	27
3	Đặng Xuân Khánh An	8/2	A803	31
4	Đỗ Lê Phương Anh	8/2	A804	34
5	Đào Nguyên Đức	8/10	A805	21
6	Ngô Khánh Mỹ Giao	8/4	A806	79
7	Trần Khánh Hằng	8/11	A807	23
8	Nguyễn Mạnh Hoàng	8/7	A808	62
9	Nguyễn Trần Huy Hùng	8/2	A809	29
10	Trần Gia Huy	8/9	A810	63,5
11	Nguyễn Gia Huy	8/2	A811	38
12	Nguyễn Ngô Bảo Khang	8/1	A812	66
13	Cao Nhất Khang	8/9	A813	19
14	Nguyễn Nguyên Khánh	8/4	A814	30
15	Phạm Đăng Khoa	8/10	A815	47
16	Trần Nguyễn Minh Khuê	8/5	A816	39
17	Bùi Võ Đình Lộc	8/2	A817	33
18	Nguyễn Thành Long	8/5	A818	64
19	Phan Ngọc Minh	8/10	A819	47
20	Lê Thị Ngọc Minh	8/4	A820	77
21	Nguyễn Hoàng Minh	8/6	A821	60
22	Lê Nhân Nam	8/4	A822	68
23	Ngô Ngọc Nam	8/8	A823	39
24	Trần Khánh Ngọc	8/9	A824	28

Danh sách có 24 học sinh.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: TIẾNG ANH LỚP 8

PHÒNG THI SỐ 3

STT	Họ và tên học sinh		Lớp	SBD	Điểm
1	Trần Khánh Ngọc	20	8/11	A825	20,0
2	Trần Đức Nguyên	22	8/2	A826	22,0
3	Lê Thị Hạnh Nguyên	44	8/4	A827	44,0
4	Phạm Nguyễn Khánh Nhi	41	8/2	A828	41,0
5	Cao Thùy Nhi	79	8/7	A829	79,0
6	Nguyễn Quốc Tuệ Nhi	63	8/4	A830	63,0
7	Phan Tuệ Như	68	8/4	A831	68,0
8	Phan Minh Phát	31	8/5	A832	31,0
9	Võ Nguyên Phúc	76	8/4	A833	76,0
10	Huỳnh Bảo Phương	57	8/4	A834	57,0
11	Nguyễn Thành Quân	32	8/3	A835	32,0
12	Huỳnh Giang Sơn	35	8/12	A836	35,0
13	Võ Thị Phương Thảo	60	8/10	A837	60,0
14	Nguyễn Ngọc Đan Thi	65	8/10	A838	65,0
15	Nguyễn Đan Thi	35	8/7	A839	35,0
16	Nguyễn Trần Anh Thư	68	8/12	A840	68,0
17	Phan Thị Anh Thư	69	8/7	A841	69,0
18	Lê Nguyễn Bảo Thy	43	8/4	A842	43,0
19	Phạm Hà Trâm	21	8/9	A843	21,0
20	Bùi Nguyễn Hà Trân	23	8/2	A844	23,0
21	Trần Mai Trang	40	8/1	A845	40,0
22	Lê Hữu Châu Uyên	49	8/1	A846	49,0
23	Nguyễn Phương Uyên	53	8/7	A847	53,0
24	Nguyễn Hoàng Bảo Uyên	43	8/4	A848	43,0
25	Phạm Công Phương Nam	52	8/11	A849	52,0

Danh sách có 25 học sinh.


HIỆP TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

ĐIỂM THI HỌC SINH THAM DỰ KÌ THI TUYỂN CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TRƯỜNG – NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: TIẾNG ANH LỚP 9

PHÒNG THI SỐ 1

S TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Điểm
1	Ngô Thị Hồng Anh	9/2	2,8
2	Nguyễn Yên Bình	9/10	2,0
3	Hồ Bảo Minh Châu	9/5	4,3
4	Lê Nguyễn Khánh Dung	9/10	3,3
5	Nguyễn Thị Xuân Giang	9/1	2,3
6	Hồ Lai Hòa	9/9	3,9
7	Nguyễn Huy Hoàng	9/3	2,2
8	Trần Việt Hùng	9/1	1,7
9	Bùi Đăng Khoa	9/2	K thi
10	Nguyễn Trương Nhật Minh	9/5	2,6
11	Đỗ Ánh Minh	9/10	4,2
12	Nguyễn Huỳnh Trọng Nghĩa	9/3	1,9
13	Ngô Trần Khánh Ngọc	9/9	1,5
14	Đặng Phương Nguyên	9/9	2,2

S TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Điểm
15	Trần Nguyễn Yến Nhi	9/12	1,1
16	Trần Thảo Nhi	9/10	4,2
17	Võ Thị Trà Nhi	9/10	3,0
18	Trương Lê Khang Ninh	9/5	5,9
19	Nguyễn Lâm Phát	9/3	3,6
20	Đoàn Hoàng Quân	9/2	2,4
21	Võ Hạ Quân	9/8	1,9
22	Nguyễn Hoàng Sơn	9/5	1,2
23	Nguyễn Phương Thảo	9/3	1,0
24	Trần Nguyễn Uyên Thơ	9/5	2,6
25	Thái Viết Thông	9/5	6,0
26	Lê Nguyễn Uyên Thư	9/12	1,4
27	Lê Nguyễn Bảo Trâm	9/4	1,0
28	Lê Phương Uyên	9/5	6,9
29	Phan Khánh Vy	9/12	3,9
30	Phạm Hoàng Minh	9/8	6,6

Danh sách có 30 học sinh.


HIỆP TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIẾT

**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG
NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: VẬT LÝ LỚP 8

PHÒNG THI SỐ 9

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Điểm
1	Lê Hải Anh	8/8	4.5
2	Trần Huỳnh Hân	8/2	3.0
3	Lê Văn Nhật Hào	8/7	3.75
4	Trịnh Đình Minh Hiếu	8/10	3.75
5	Phạm Quang Khang	8/12	3.25
6	Nguyễn Công Lộc	8/4	4.5
7	Phan Tiến Bảo Long	8/2	5.75
8	Văn Đình Long	8/7	0.5
9	Trịnh Nhật Minh	8/7	2.0
10	Lê Nguyễn Minh Phúc	8/11	1.5
11	Đinh Trọng Quyết	8/10	2.25
12	Nguyễn Đình Tung Sơn	8/2	2.0
13	Lê Trần Đăng Thành	8/2	4.75
14	Lý Bá Thanh	8/6	1.5

Danh sách có 14 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG
NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: VẬT LÝ LỚP 9

PHÒNG THI SỐ 10

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Điểm
1	Nguyễn Quỳnh Anh	9/6	1.5
2	Nguyễn Hà Minh Châu	9/10	5.0 /
3	Mai Phạm Khánh Dương	9/9	3.5 /
4	Vũ Thảo Hiền	9/4	5.0 /
5	Trần Quốc Hoàng	9/7	9.0 /
6	Hứa Bách Khoa	9/5	6.75 /
7	Đỗ Tuấn Kiệt	9/5	1.25
8	Nguyễn Vũ Luật	9/7	1.0
9	Nguyễn Thanh Quang	9/5	7.0 /
10	Nguyễn Quý Đức Tài	9/5	0.25
11	Nguyễn Huyền Thư	9/1	5.0 /
12	Dương Bảo Trân	9/5	2.5
13	Ông Văn Minh Trí	9/10	3.0 /
14	Tôn Nữ Khánh Vân	9/10	9.0 /
15	Trương Như Quỳnh	9/1	0.5

Danh sách có 15 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

UBND QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
LÝ THƯỜNG KIỆT

**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG
NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: HÓA HỌC LỚP 9

PHÒNG THI SỐ 11

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Điểm
1	Nguyễn Việt Anh	9/1	6.625
2	Lê Hải Doan	9/5	4.875
3	Nguyễn Mạnh Dương	9/2	4.875
4	Thái Thanh Hiền	9/10	5.375
5	Nguyễn Thái Bảo Huy	9/1	4.45
6	Phan Nguyên Huy	9/10	6.5
7	Lê Đoàn Phúc Khang	9/4	2.0
8	Đặng Chí Khiêm	9/10	6.25
9	Lê Tùng Lâm	9/5	4.25
10	Nguyễn Khánh Linh	9/6	3.5
11	Hồ Thanh Linh	9/9	3.5
12	Đỗ Xuân My	9/10	6.0
13	Phạm Thế Đình Nguyên	9/7	6.375
14	Nguyễn Dương Thảo Nguyên	9/5	4.875
15	Đoàn Quang Nhật	9/10	4.75
16	Ngô Giáp Minh Quân	9/2	7.0
17	Phan Thị Minh Tâm	9/8	8.5
18	Trần Đặng Duy Thanh	9/8	6.35
19	Phan Nguyên Thảo	9/5	4.75
20	Trần Lê Phương Thảo	9/10	4.125
21	Đậu Nguyễn Vĩnh Thịnh	9/5	4.0
22	Lê Thị Thương	9/6	6.375
23	Lâm Chí Tuấn	9/12	3.25
24	Trần Sơn Tùng	9/2	7.375
25	Phạm Nguyễn Phương Uyên	9/9	3.375

Danh sách có 25 học sinh.

**HIỆU TRƯỞNG**
Nguyễn Thị Minh